

Số: 2893 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thực hiện các đề tài NCKH sinh viên thường niên
trong năm học 2025-2026 do Trường hỗ trợ kinh phí

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Chương V "Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên" quy định về việc Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 2311/QĐ-MĐC, ngày 25/12/2023;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành Quy định về quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ của trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Thông báo số 557/TB-MĐC ngày 19/9/2025 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc triển khai thực hiện Nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2025-2026 (Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 39) và kết quả đăng ký tham dự NCKH SV từ các Khoa;

Theo đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Trưởng các Khoa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép 235 đề tài NCKH sinh viên thường niên (có danh mục kèm theo) được thực hiện trong năm học 2025-2026. Kinh phí hỗ trợ cho việc thực hiện mỗi đề tài là **2.600.000đ** (bằng chữ: Hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) trong đó **2.000.000đ** dành cho sinh viên thực hiện nghiên cứu và **600.000đ** dành cho giáo viên hướng dẫn. Các đề tài được tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy chế hiện hành.

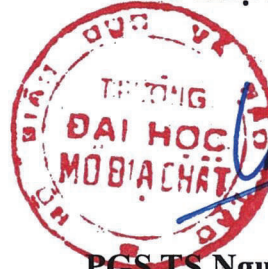
Điều 2. Kinh phí thực hiện cho 235 đề tài trên được trích từ nguồn thu dịch vụ khác của Nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Khoa, Bộ môn, phòng Khoa học Công nghệ và phòng Kế hoạch Tài chính, các sinh viên, cán bộ hướng dẫn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *Thh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- HUMG e-OFFICE;
- Đoàn TNCS HCM Trường;
- Lưu: HCTH, KHTC, CTCT-SV, KHCN.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS Nguyễn Thế Vinh



TTT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp (ghi đầy đủ Mã lớp và Tên lớp)	Cán bộ hướng dẫn
80	Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình	Đỗ Thị Minh Trang	2421080024	Kỹ thuật môi trường K69	Trần Thị Thanh Thủy
		Nguyễn Duy Phong	2421080066	Kỹ thuật môi trường K69	
		Dương Quang Nhật	2421080005	Kỹ thuật môi trường K69	
		Nguyễn Hữu Thao	2421080008	Kỹ thuật môi trường K69	
		Nguyễn Tuấn Kiệt	2421080091	Kỹ thuật môi trường K69	
81	Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng môi trường nước thải làng nghề	Phạm Thanh Phong	2421080070	Kỹ thuật môi trường K69	Phạm Khánh Huy
		Lê Hoàn Cầu	2421080118	Kỹ thuật môi trường K69	
		Lê Thị Tuyết Nhung	2421080052	Kỹ thuật môi trường K69	
82	Đánh giá thực trạng xả thải và chất lượng nước mặt lưu vực sông Sê Săn (đoạn chảy qua địa bàn tỉnh Kon Tum cũ)	Vũ Phương Huyền	2421080084	Kỹ thuật môi trường K69	Nguyễn Thị Hoà
		Nguyễn Đức Huy	2421080021	Kỹ thuật môi trường K69	
		Nguyễn Minh Trang	2421080099	Kỹ thuật môi trường K69	
		Đỗ Thị Vân Nhi	2421080010	Kỹ thuật môi trường K69	
		Nguyễn Trịnh Huy Đạt	2421080027	Kỹ thuật môi trường K69	
83	Xây dựng bản sao bóng kỹ thuật số (digital shadow) phục vụ quản lý bền vững khu vực đất ngập nước ven đảo Cát Bà	Lê Văn Chiến	2421080059	Quản lý tài nguyên môi trường B K69	Nguyễn Quốc Phi
		Phạm Minh Anh	2421080030	Quản lý tài nguyên môi trường B K69	
		Phạm Trung Kiên	2421080081	Quản lý tài nguyên môi trường B K69	
		Bùi Hoàng Anh	2421080110	Quản lý tài nguyên môi trường B K69	
		Dương Huy Hoàng	2421080060	Quản lý tài nguyên môi trường B K69	
84	Xây dựng bản đồ nguy cơ sạt lở đất sử dụng luật kết hợp bằng thuật toán Apriori	Lê Thị Vân Anh	2221080044	Quản lý tài nguyên và môi trường K67	Nguyễn Quốc Phi
		Phương Thị Ngọc	2221080034	Quản lý tài nguyên và môi trường K67	
		Nguyễn Kiều Trang	2221080062	Quản lý tài nguyên và môi trường K67	
		Nguyễn Hoàng Long	2221080032	Quản lý tài nguyên và môi trường K67	
		Lê Quang Minh	2221080051	Quản lý tài nguyên và môi trường K67	
85	Ứng dụng phân tích cụm để nhận diện mức độ phục hồi cộng đồng sau trượt lở đất ở Cao Bằng	Nguyễn Hồng Sơn	2421080050	Quản lý tài nguyên và môi trường K69	Phan Thị Mai Hoa
		Đỗ Thanh Hải	2421080128	Quản lý tài nguyên và môi trường A K69	
		Vì Bích Ngọc	2421080076	Quản lý tài nguyên và môi trường A K69	
		Nguyễn Trọng Tiến	2421080114	Quản lý tài nguyên và môi trường A K69	
		Trần Đình Lực	2421080013	Quản lý tài nguyên và môi trường A K69	